

Số: 235/QĐ-UBND

Tân Lợi, ngày 02 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
Quý 2 năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN LỢI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật NSNN năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số: 245/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Tân Lợi về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ năm 2024; Theo đề nghị của Bộ phận chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 2 năm 2024 xã Tân Lợi.

(Có các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2: Giao cho ban Tài chính xã phối hợp với các ngành liên quan tổ chức và phối hợp hướng dẫn thực hiện.

Điều 3: Các ông (bà): Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính, các ngành đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể;
- Các trường xóm;
- Lưu: VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Dũng

Tân Lợi, ngày 02 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THUYẾT MINH
Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách
Xã Tân Lợi quý 2 năm 2024

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao dự toán thu - chi ngân sách huyện Đồng Hỷ năm 2024;

Căn cứ Quyết định số: 245/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Tân Lợi về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ năm 2024;

UBND xã thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Tân Lợi quý 2 năm 2024, như sau:

1. Thu ngân sách xã quý 2 năm 2024:

- Thu ngân sách nhà nước đạt $50.006.152đ/250.000.000đ = 20\%$ dự toán giao.

- Thu ngân sách địa phương đạt $1.489.663.416đ/4.762.000.000đ = 31\%$ dự toán giao. Trong đó thu điều tiết ngân sách địa phương đạt $27.945.038đ/156.000.000đ = 17,9\%$ dự toán.

Một số khoản thu đạt tỷ lệ theo kế hoạch như thuế GTGT, TNCN từ kinh doanh...

2. Chi ngân sách xã quý 2 năm 2024:

Tổng chi ngân sách đạt $1.434.456.008đ/4.762.000.000đ = 30,1\%$ dự toán. Trong đó: Chi thường xuyên: $1.434.456.008đ/4.627.000.000đ = 31\%$; chi đầu tư phát triển: 0đ.

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 2 năm 2024:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2024 UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách

năm 2024 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm vụ các tháng tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quý 2 năm 2024 công tác tài chính - ngân sách của xã Tân Lợi gặp phải một số khó khăn như: nhu cầu chúng chực của nhân dân không nhiều dẫn đến phí, lệ phí thấp.

Trong quý 2 năm 2024, UBND xã thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung, trong quý 2 năm 2024 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

KẾ TOÁN

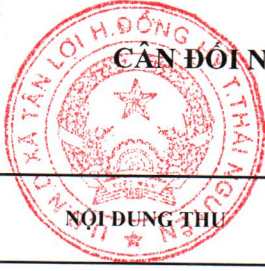


Phạm Thị Trang Nhung

CHỦ TỊCH UBND



Lê Ngọc Dũng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Quý 2 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	4.762.000.000	1.489.663.416	31,28
1.	Các khoản thu 100%	52.000.000	5.423.000	10,43
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	104.000.000	22.522.038	21,66
3.	Thu chuyển nguồn			
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.606.000.000	1.461.718.378	31,74
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.606.000.000	1.152.000.000	25,01
	- Bổ sung có mục tiêu		309.718.378	
II.	Tổng số chi	4.762.000.000	1.434.456.008	30,12
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên	4.627.000.000	1.434.456.008	31,00
3.	Dự phòng	68.000.000		
4.	Tiết kiệm chi	67.000.000		



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ
Quý 2 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	4.856.000.000	4.762.000.000	1.511.724.530	1.489.663.416	31	31
I. Các khoản thu 100%	52.000.000	52.000.000	5.990.818	5.423.000	12	10
- Phí, lệ phí	42.000.000	42.000.000	5.423.000	5.423.000	13	13
+ Phí chứng thực	30.000.000	30.000.000	4.753.000	4.753.000	16	16
+ Lệ phí hộ tịch			670.000	670.000		
+ Lệ phí cư trú						
+ Lệ phí môn bài	12.000.000	12.000.000				
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	567.818		6	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	198.000.000	104.000.000	36.360.092	22.522.038	18	22
1. Các khoản thu phân chia	98.000.000	4.000.000	13.057.083	128.493	13	3
- Lệ phí trước bạ nhà đất	8.000.000	4.000.000	256.986	128.493	3	3
- Thuế thu nhập cá nhân	90.000.000		12.800.097		14	
+ Thuế TNCN từ SXKD	50.000.000		11.772.881		24	
+ Thuế TNCN từ chuyển quyền	40.000.000		1.027.216		3	
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	100.000.000	100.000.000	23.303.009	22.393.545	23	22
- Thuế giá trị gia tăng	100.000.000	100.000.000	22.736.609	21.827.145	23	22
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			566.400	566.400		
- Thu thuế đất trồng cây lâu năm						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu nộp trả ngân sách cấp trên			7.655.242			
V. Thu chuyển nguồn						
VI. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VII. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.606.000.000	4.606.000.000	1.461.718.378	1.461.718.378	32	32
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.606.000.000	4.606.000.000	1.152.000.000	1.152.000.000	25	25
- Bổ sung có mục tiêu			309.718.378	309.718.378		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ
Quý 2 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	4.762.000.000		4.762.000.000	1.434.456.008		1.434.456.008	30		30
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	678.350.000		678.350.000	267.823.338		267.823.338	39		39
- Chi dân quân tự vệ	372.500.000		372.500.000	193.862.538		193.862.538	52		52
- Chi trật tự an toàn xã hội	305.850.000		305.850.000	73.960.800		73.960.800	24		24
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	45.360.000		45.360.000	11.340.000		11.340.000	25		25
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	4.395.000		4.395.000	13		13
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	1.100.000		1.100.000	4		4
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	100.556.000		100.556.000	13.308.000		13.308.000	13		13
- Giao thông (xi măng ĐBT)									
- Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	90.556.000		90.556.000	13.308.000		13.308.000	15		15
- Thủy lợi									
- Các hoạt động kinh tế khác	10.000.000		10.000.000						
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.662.930.000		3.662.930.000	1.128.038.670		1.128.038.670	31		31
Trong đó: Quỹ lương				999.949.523		999.949.523			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.748.000.000		1.748.000.000	571.189.335		571.189.335	33		33
10.2. Hội đồng nhân dân	386.470.000		386.470.000	104.142.785		104.142.785	27		27
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	543.560.000		543.560.000	201.754.850		201.754.850	37		37
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	315.400.000		315.400.000	73.453.040		73.453.040	23		23
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	152.050.000		152.050.000	46.556.310		46.556.310	31		31
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	147.730.000		147.730.000	35.421.750		35.421.750	24		24
10.7. Hội Cựu chiến binh	131.600.000		131.600.000	34.427.300		34.427.300	26		26
10.8. Hội Nông dân	141.550.000		141.550.000	37.873.300		37.873.300	27		27
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	42.530.000		42.530.000	10.422.000		10.422.000	25		25
10.10. Hội Người cao tuổi	32.600.000		32.600.000	7.938.000		7.938.000	24		24
10.11. Hội khuyến học	21.440.000		21.440.000	4.860.000		4.860.000	23		23
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
11. Chi cho công tác xã hội	79.804.000		79.804.000	8.451.000		8.451.000	11		11
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	69.804.000		69.804.000	8.451.000		8.451.000	12		12
- Trợ cấp mai táng									
- Khác	10.000.000		10.000.000						
12. Dự phòng	68.000.000		68.000.000						
13. Tiết kiệm chi 10%	67.000.000		67.000.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									